

Số: 1948/2025/QĐST-HNGĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1603/2025/HNST ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Trường G, sinh năm 1979; CCCD số: 082079012548 do Cục C về TTXH cấp ngày 29/9/2022; Địa chỉ: Căn A Chung cư S, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1977; CCCD số: 075177012819 do Cục C về TTXH cấp ngày 08/9/2022; Địa chỉ: A, ấp B, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Trường G và bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện sống chung vào năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2000 ngày 10/4/2000. Sau khi kết hôn ông G và bà T chung sống hạnh phúc, cùng nhau làm việc để phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, thời gian gần đây hai bên liên tiếp xảy ra bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã nhau, làm cho gia đình mất hạnh phúc. Các đương sự nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

[2] Về nuôi con chung: Không có.

[3] Về chia tài sản chung: Các đương sự xác định không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Các đương sự xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Phạm Trường G và bà Nguyễn Thị Bích T thuận tình ly hôn. *(Quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Trường G và bà Nguyễn Thị Bích T được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2000 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/4/2000).*

- Về nuôi con chung: Không có.
- Về chia tài sản chung: Không có.
- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Phạm Trường G và bà Nguyễn Thị Bích T mỗi bên phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0044897 ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H; Các đương sự đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân KV 8-Tp.HCM;
- UBND xã An Thạnh Thủy, tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự Tp. HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thơ